



Numbers 1 to 20 in English · Flashcards

Số đếm tiếng Anh từ 1 đến 20 · Thẻ học: in, cắt theo đường nét đứt

1

one

2

two

3

three

4

four

5

five

6

six

7

seven

8

eight

9

nine

10

ten

11

eleven

12

twelve



Numbers 1 to 20 in English · Flashcards

Số đếm tiếng Anh từ 1 đến 20 · Thẻ học: in, cắt theo đường nét đứt

13

thirteen

14

fourteen

15

fifteen

16

sixteen

17

seventeen

18

eighteen

19

nineteen

20

twenty